

MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG XÁC LẬP VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO DƯỚI TRIỀU NGUYỄN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX

Nguyễn Tất Thắng¹, Nguyễn Quốc Thệ²

Tóm tắt: Triều Nguyễn trong giai đoạn còn là một triều đại phong kiến độc lập (1802 - 1885), đã có vai trò rất lớn trong việc xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam. Triều Nguyễn đã kế thừa kinh nghiệm của các triều đại trước, phát huy hết tác dụng tích cực của mình, ra sức thực hiện các hoạt động tuần tra, kiểm soát mặt biển và hoạt động cứu hộ, cứu nạn trên biển, nhất là ở hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa, nhằm khẳng định chủ quyền biển đảo của mình và góp phần đảm bảo an toàn cho tàu thuyền hoạt động trên lãnh hải Việt Nam lúc bấy giờ.

Với tư tưởng “*Ôn cố nhi tri tân*”, thiết nghĩ, việc nghiên cứu về những hoạt động tuần tra, kiểm soát trên biển và hoạt động cứu hộ, cứu nạn ở hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa dưới triều Nguyễn mang ý nghĩa thực tiễn, đóng góp quan trọng phục vụ cho chiến lược biển của nước ta hiện nay, đồng thời, một lần nữa khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam trên biển Đông - một bộ phận lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc.

Từ khóa: tuần tra, kiểm soát, cứu hộ, cứu nạn, Trường Sa, Hoàng Sa, triều Nguyễn

1. Mở đầu

Biển đảo giữ vai trò quan trọng trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Với đường bờ biển dài tới hơn 3.000 km chạy dọc theo chiều dài đất nước, qua gần 30 tỉnh thành nên từ bao đời biển gắn bó mật thiết với đời sống của con người. Biển chính là không gian sinh tồn, không gian văn hóa của một bộ phận cư dân Việt Nam. Do vậy, tư duy về biển, ý thức về vị trí, vai trò và ý nghĩa của biển đảo đối với đời sống của cư dân Việt đã được hình thành từ sớm.

Bước sang thế kỷ XIX, vương triều Nguyễn thống nhất đất nước, quản lý một lãnh thổ rộng lớn không chỉ trên đất liền mà còn ra đến biển khơi. Kế thừa những kinh nghiệm trong tổ chức, quản lý vùng biển đảo của các triều đại trước đó, triều Nguyễn tiếp tục thể hiện ý thức về chủ quyền biển đảo thông qua hàng loạt các biện pháp và hoạt động, như tuần tra, đo đạc vẽ bản đồ, chống giặc biển, cứu hộ, cứu nạn,... Trong đó, hoạt động tuần tra, kiểm soát trên biển và hoạt động cứu hộ, cứu nạn ở hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa diễn ra thường xuyên.

Những hoạt động tuần tra, kiểm soát trên biển và hoạt động cứu hộ, cứu nạn trên biển Đông nói chung và tại hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa nói riêng đã được ghi nhận trong các bộ chính sử của nhà Nguyễn. Tuy nhiên, những hoạt động này phần lớn được ghi chép theo lối biên niên và cũng chưa có nhiều công trình nghiên cứu một cách có hệ thống, toàn diện và chuyên sâu. Do vậy, đây là một “khoảng trống” không nhỏ trong lĩnh vực nghiên cứu biển đảo. Đặc biệt, trong tình hình biển đảo hiện nay, công tác nghiên cứu toàn diện về biển trong quá khứ càng trở nên quan trọng và bức thiết, góp phần từng bước khẳng định chủ quyền không thể tranh cãi của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa - Trường Sa nói riêng và vùng biển đảo nói chung và hoạt động thực thi các chính sách bảo vệ vùng

1. PGS.TS., Trường Đại học Sư phạm – Đại học Huế

2. ThS., Trường Đại học Văn Hiến

biển của Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Hoạt động tuần tra, kiểm soát trên biển

Năm 1802, triều Nguyễn xác lập quyền thống trị của mình trên một lãnh thổ thống nhất và rộng lớn nhất so với các thời kỳ trước. Đồng thời, triều Nguyễn có một khoảng thời gian dài từ hơn nửa thế kỷ để xây dựng và phát triển đất nước trước khi bị thực dân Pháp chính thức đặt ách thống trị trên toàn bộ lãnh thổ. Trước đó, quá trình đấu tranh để khôi phục vương triều và thống nhất lãnh thổ của chúa Nguyễn Ánh luôn gắn với các hoạt động trên biển³.

Dưới triều Nguyễn, nhận thức đúng đắn được tầm quan trọng của biển đảo với việc bảo vệ nền an ninh quốc gia, các vị vua đầu triều Nguyễn, nhất là Gia Long, Minh Mạng, đã tập trung sức xây dựng thủy quân thành binh chủng mạnh nhất trong lịch sử quân sự Việt Nam tính đến thời điểm đó. Một trong những nhiệm vụ lớn của thủy quân triều Nguyễn là tuần tra. Đây là một trong những hoạt động quan trọng trong phòng thủ, bảo vệ và thực thi chủ quyền, đảm bảo an ninh trên biển đảo, thủy quân nhà Nguyễn luôn được tổ chức, trang bị và huấn luyện là một hoạt động rất quan trọng với nhiều chức năng: Tuần tra để kiểm soát vùng biển, trực tiếp bảo vệ các đoàn thuyền vận tải biển của Nhà nước, bảo vệ ngư dân và các thuyền buôn trong hải phận. Tháng 8 năm Gia Long thứ 9 (1810), vua Gia Long định lại 4 điều về vận tải biển, trong đó có đề cập: “*Việc vận tải cứ mỗi năm một lần, thượng tuần tháng tư thì ra biển. Quan sở tại trước ngày ra khơi, tư ngay cho các trấn thủ các địa phương, ngày đêm đi tuần ở biển; thuyền chở đi qua, có cần giúp đỡ gì, tức thì chiếu cố và khám làm chứng, đem việc tâu lên*”⁴.

Huấn luyện và đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác này.

Vua Minh Mạng thì chỉ rõ cái lợi của việc tuần tra trên mặt biển: “*Đi tuần phòng ven biển, một là để thao luyện cách lái thuyền cho quen thuộc dòng nước, một là tập đánh dưới nước, biết rõ đường bể, khiến cho bọn giặc bể nghe tin không dám gây sự. Thế có phải là một việc mà được ba điều lợi*”⁵.

Hoạt động tuần tra vùng biển được giao cho quân đội chính quy, thường xuất phát từ Kinh đô Huế. Tuy nhiên, tại cái địa phương có hải phận, lực lượng thủy quân đồn trú cũng làm công việc này. Cùng với quân đội triều đình, các tỉnh còn lấy dân địa phương rồi thành lập các đội tuần tra. Hoạt động tuần tra ở các địa phương thường được giao quyền chủ động. Dưới triều Minh Mạng, ngoài các đội Hoàng Sa, Bắc Hải, tại vùng biển Tây Nam Bộ còn có các đội Hà Phú, Phú Cường đảm nhận hoạt động tuần tra, canh gác biển đảo. Nhà vua còn yêu cầu bộ Công biên soạn sách *Hải trình tập nghiệm* để phục vụ cho hoạt động tuần tra trên biển⁶.

Vua Minh Mạng, ngay từ khi mới lên ngôi (1820), đã ban dụ cho thủ ngự Phú Quốc:

3. Nguyễn Quang Ngọc (2017), “*Chủ quyền của Việt Nam ở Hoàng Sa và Trường Sa trong thời kỳ nhà Nguyễn thế kỷ XIX*”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 7 (495), tr. 63.

4. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, Tập I, Nxb Giáo dục, Hà Nội; tr. 795.

5. Quốc sử quán triều Nguyễn (1994), *Minh Mạng chính yếu, tập II*, Nxb Thuận Hóa, Huế; tr. 310.

6. Trần Thị Mai (2010), “*Hoạt động phòng thủ trên biển của vương triều Nguyễn giai đoạn 1802 - 1885*”, in trong *Hoàng Sa - Trường Sa chủ quyền của Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng; tr. 130.

“cho dân các ấp ở sở ấy, quy lập làm 10 đội, mỗi đội đều bỏ của riêng, đóng một chiếc thuyền vượt biển hạng lớn, sà ngang hạn từ 11 thước trở lên và hai chiếc hạng nhỏ. Nhà nước cấp cho khí giới để qua lại tuần phòng giặc biển”⁷.

Công tác tuần tra kiểm soát vùng biển, đảo được thực hiện do binh thuyền ở Kinh phái đi và các địa phương có hải phận. Theo lệ thì ở Kinh phái thuyền binh đi tuần biển phía nam đến Bình Thuận, phía bắc đến Quảng Yên. Nhưng vì vùng biển quá dài rộng, binh thuyền tuần tra không kiểm soát được hết, nên năm Minh Mạng thứ 20 (1839) quy định thuyền ở Bình đi tuần biển phía nam thì kinh đến Bình Định, phía bắc thì chuẩn định Biện Sơn trở vào⁸.

Năm Minh Mạng thứ 17 (1836) quy định: “các tỉnh từ Gia Định đến Hà Tiên thì tháng 4, phải đi, tháng 10 rút về, lấy làm lệ thường hàng năm”⁹. Binh thuyền phải đi cũng luân phiên thay đổi ba tháng một lần bởi “phải đi lâu ngày, có phần mệt nhọc”¹⁰.

Tuy nhiên, cũng tùy vào điều kiện thời tiết mà hoạt động tuần phòng có sự thay đổi. Minh Mạng năm thứ 20 (1839) ban dụ rằng: “Các tỉnh Nam Kỳ, hàng năm phải trích thuyền binh, ra biển tuần thám, đã cho vào tháng tư thì phải đi, tháng 10 phải rút về. Nay nghĩ: tháng 10 vào mùa đông, thời tiết đã muộn, nếu quan binh đi tuần phòng còn ở ngoài biển là không tiện. Vậy cho định lại hàng năm tháng 9, thì những thuyền binh trước phải đi tuần biển điều cho rút về hàng ngũ ở tỉnh”¹¹.

Việc tuần thám không chỉ là tuần tiễu trên mặt biển, triều đình còn lệnh cho các địa phương ven biển phải ra sức tuần phòng ở các hải đảo. Năm 1834, vua ban dụ: “các địa phương ven biển, đều nên xét ra các đảo ở hải phận trong hạt hiện có dân cư, thì đều sức cho dân ở đấy đem thuyền đánh cá nhanh chóng sửa chữa, cho được nhanh nhẹn. Nơi dân số nhiều thì ba chiếc, dân số ít thì hai chiếc, mỗi chiếc có thể ngồi được trên dưới 20 người. Về phí tổn sửa chữa hết bao nhiêu thì nhà nước cấp trả. Lại liệu cấp cho giáo dài, súng trường, thuốc đạn giao cho dân nơi ấy lĩnh, để dùng đi tuần thám. Khi gặp giặc biển thì một mặt cùng nhau chống đánh, một mặt chạy báo, cho khỏi bị chậm trễ”¹².

Ở những tỉnh có nhiều đảo, công tác tuần phòng càng được Nhà nước đặc biệt quan tâm. Năm Minh Mạng thứ 18 (1837), vua nghĩ ở biển Hà Tiên nhiều đảo lớn đảo nhỏ, thuyền giặc Đồ Bà thường nấp ở đấy để trộm cướp, sai quan tỉnh phái người xét xem có bao nhiêu đảo, tên đảo là gì, có dân cư hay không? Cùng đường bộ cách nhau xa hay gần và hình thế thế nào, vẽ bản đồ nói rõ. Lại chỗ nào nên đặt đồn canh giữ, chỗ nào nên phái quân đón phục, tính bản tâu lên.

Thuyền đi tuần biển được nhà nước trang bị khá chu đáo các loại vũ khí, súng đạn, phương tiện... Để việc nhìn ngắm trên biển được chính xác, năm Minh Mạng thứ 10 (1829), vua ban chỉ dụ phân cấp kính thiên lý cho các tỉnh có vùng biển, đồn biển và thuyền tuần

7. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập III, Nxb Thuận Hóa, Huế; tr. 424.

8. Bùi Gia Khánh (2010), “Thủy quân thời Gia Long và Minh Mạng với nhiệm vụ tuần tra kiểm soát vùng biển đảo” *TC Nghiên cứu và Phát triển*, Số 5 (82), tr. 36-49.

9. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Nxb Thuận Hóa, Huế; tr. 426.

10. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Tập III, Nxb Giáo dục, Hà Nội; tr. 310.

11. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...; tr. 434.

12. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...; tr. 426.

tiểu, bởi “vùng biển mênh mông, chỉ có kính thiên lý có thể trông xa được”¹³. Minh Mạng năm thứ 15 (1834), ban dụ rằng: “Hai đội Tuần hải nhất, Tuần hải nhị của Biên Hòa, sắm cấp cho áo trận và nón dẫu, hàng tháng cấp tiền gạo chia ngò các tàu thuyền, theo viên tấn thủ, noi theo hải phận đi tuần thám”¹⁴. Năm Minh Mạng thứ 16 (1835), lại ban dụ rằng: “các tỉnh có hải phận, điều đóng 2, 3 chiếc thuyền nhanh nhẹ, và sai nhân dân các đảo sửa chữa thuyền đánh cá, liệu cấp khi giới để đi tuần thám”¹⁵.

Thuyền tuần biển có nhiều loại, đó là thuyền chuyên dụng của nhà nước, thuyền của địa phương, thậm chí có khi dùng cả thuyền đánh cá của nhân dân. Năm 1838, vua Minh Mạng cho làm thuyền bọc đồng để đi tuần biển, thuyền ấy dài 4 trượng 4 thước 1 tấc, ngang 1 trượng 4 tấc, có sàn ngò để đánh nhau. Các tỉnh dọc theo bờ bể thời làm theo hình dáng thuyền “đại dịch”, mỗi tỉnh hai chiếc mà tỉnh nào mặt biển rộng mênh mông thời làm 3, 4 chiếc đều gọi là thuyền “tuần dương”.

Ngoài ra, thuyền tuần tiểu còn được trang bị các hạng súng quá sơn, thần công và súng trường, cùng thuốc đạn, giáo dài, mác sắt, câu liêm, ống phun lửa, pháo thăng thiên cho đến quả đá, kim từ thạch, phàm tất cả các dụng cụ thủy chiến và đem theo một kính Thiên lý để nhìn ngắm¹⁶.

Công tác tuần tra được tiến hành theo hải phận từng địa phương. Minh Mạng năm thứ 15 (1834), ban dụ: “quan binh Hà Tiên đi tuần biển, từ nay đều nên căn cứ theo hải phận mà tuần phòng”¹⁷.

Để đảm bảo quá trình tuần tra có hiệu quả, năm 1835, vua Minh Mạng ra quy định về phương pháp tác chiến của thuyền tuần tiểu khi gặp giặc biển: Thuyền giặc phần nhiều là dùng thuyền nhanh nhẹ, chạy giỏi. Chiến đấu với nó, nếu là hơi xa, thì phải dùng đại bác, chỉ định vào mái chèo, bánh lái của thuyền giặc mà bắn tan, gần thì dùng câu liêm giật đứt dây buộc lái, làm cho thuyền đổ nghiêng không chạy được, thì tự khắc bị ta bắt... Vậy thuyền chỉ cho các địa phương ven biển miền trong, miền ngoài, phàm có phải thuyền nhà binh đi tuần biển đánh giặc, cũng điều theo như thế mà làm.

Triều Nguyễn cũng định ra lệ thưởng phạt đối với lực lượng làm nhiệm vụ tuần tra, đặc biệt khuyến khích các tàu thuyền tuần dương bắt được giặc. Đối với những đồn biển, khi đi tuần sơ suất, không có chữ biên ký ở nơi giáp giới, gián đoạn không liên tục, gặp thuyền giặc không lập tức chạy báo, để chậm trễ lỡ việc, cũng như việc nhận tín hiệu mà không hội tiểu... đều bị trị tội theo mức nặng. Nói chung, ở sau mỗi chỉ dụ về việc tuần phòng, nhà vua đều định rõ nếu thực hiện không đúng sẽ bị trị tội nặng. Đối với những trường hợp bắt được giặc biển về kết án, Nhà nước cũng có mức khen thưởng lớn: “nếu bắt được thuyền giặc hạng kém thì cho thưởng 500 quan tiền để chia đều tỏ sự khuyến khích”¹⁸.

Bờ biển nước ta kéo dài, việc tuần phòng ngoài biển rất quan trọng. Do đó, công tác này luôn được nhà nước quan tâm. Minh Mạng năm thứ 16 (1835) ban dụ rằng: “các quan

13. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...;tr. 425.

14. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...;tr. 426.

15. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...;tr. 427.

16. Nguyễn Văn Đăng (2003), “Vài nét về ngành đóng thuyền theo kiểu phương Tây triều Minh Mạng”, *Tạp chí Huế xưa và nay*; số 56; tr. . 58 -63

17. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...;tr. 426.

18. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...; tr. 433.

địa phương ở ven biển liệu trích lính ở tỉnh, chia ngòi vào thuyền nhanh ra biển đi tuần thám, và thông sức cho nhân dân sở tại hết lòng đề phòng do thám”¹⁹.

Năm 1836, vua Minh Mạng quy định về tín hiệu liên lạc giữa các thuyền đi tuần ngoài biển: “Lông đèn ở thuyền ô đều viết to 2 chữ tên đồn biển, ban đêm treo lên làm hiệu. Ở hải phận đồn biển nào trong khi du tuần gặp giặc biển, hoặc quá là thuyền dị dạng, cần phải vây bắt, thì bắn 3 tiếng đại bác, ban đêm thì đốt 5 chiếc pháo thăng thiên làm hiệu. Thuyền ô đều khẩn cấp tiến lên chặn bắt, thuyền nhanh nhẹ lập tức theo sự thuận tiện, tới báo cho quan địa phương làm bằng. Một mặt phái thêm thuyền binh đuổi bắt, một mặt chuyển báo cho các đồn biển giáp giới đều lập tức khẩn cấp hội lại cùng đánh”²⁰.

Về số tàu thuyền cần dùng và chế độ phiên chế tàu thuyền tuần tiễu được quy định mỗi đồn biển hai chiếc thuyền ô, và ba chiếc thuyền nhanh nhẹ, chia chạy lần lượt đi tuần thám. Các đồn biển ấy đều căn cứ vào số binh dân, phu thuyền hiện tại mà chia làm hai toán, mỗi toán một chiếc thuyền ô, 15 binh phu, súng ống, khí giới đem theo; một chiếc thuyền nhanh nhẹ, 15 tên binh phu ra biển xét theo hải phận của đồn biển mình... qua lại tuần tra, đủ một ngày đêm trở về đồn biển, đến lượt toán khác tuần tra, cứ như thế, luân chuyển, cốt cho được liên tục. Phạm đến nơi giáp giới, là nơi người đi tuần biển của hai đồn biển gặp nhau, thì hai bên phải nên biên ký cho nhau làm bằng, để phòng khi tra xét²¹.

Với những quy định chặt chẽ, nghiêm ngặt như trên cho thấy nhà nước rất quan tâm tới công tác tuần phòng vùng biển và ở cả các hải đảo, đặc biệt là dưới triều Minh Mạng. Bởi vậy, trong thời gian trị vì của vị vua này, thuyền tuần hải “ngày đêm đi lại như dẹt cửi trên mặt biển, xông pha sóng gió”²².

Tuy nhiên, dù có nhiều cố gắng trong công tác tuần tra vùng biển nhưng nạn giặc biển vẫn không kiểm soát nổi, ở vùng biển miền Nam, đặc biệt là nạn giặc biển người Chà Và vẫn nổi lên cướp bóc. Nguyên nhân của tình trạng trên là do lực lượng tuần tiễu sợ hãi sóng gió mà không dám ra xa, để cho bọn giặc cướp chán rồi đi; hơn nữa thuyền nhà vua phái đi như chiếc thuyền khỏa đồng (bọc đồng) và các thuyền hiệu chữ Bình, chữ Định đều lớn mà nặng không đi được nhanh; chiếc thuyền ô, thuyền lẻ thời lại quá thấp nhỏ gặp giặc không tiện đuổi xa, vùng biển không được yên tĩnh cũng bởi nguyên nhân kể trên.

Để khắc phục tình trạng này, bảo đảm cho việc tuần tra hiệu quả, Minh Mạng năm thứ 19 (1838) định thêm chương trình đi tuần ngoài bể và quy chế của binh thuyền đi tuần: “nay chuẩn cho bộ Binh châm chước bàn định, việc tuần tiễu ở ngoài bể nên như thế nào thời định rõ chương trình. Lại chuẩn cho bộ Công suy tính để đóng các thuyền đi tuần như thế nào cho được nhẹ nhàng thuận tiện”²³.

Sang triều Thiệu Trị, công tác tuần biển vẫn được duy trì thường xuyên theo như chính sách dưới triều Minh Mạng. Năm Thiệu Trị thứ 1 (1841), nhà nước còn sử dụng tàu chiến để đi tuần biển: “nên phái thuyền chiến lập tức đi lùng bắt cho hết giặc biển”²⁴. Năm Thiệu Trị thứ 2 (1842), vua sai “biển binh đạo quân thủy đi hai chiếc thuyền hiệu An Hải,

19. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...; tr. 427.

20. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...; tr. 428.

21. Đỗ Văn Ninh (1993), “Quân đội nhà Nguyễn”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, (6); tr.27.

22. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...; tr. 429.

23. Quốc sử quán triều Nguyễn (2010), *Đại Nam thực lục*, Tập III, Sdd...; tr. 1666.

24. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...; tr. 435.

*Tĩnh Hải và hai chiếc thuyền ô ra tuần trên các mặt biển Nam, Bắc*²⁵.

Hoạt động tuần tra dưới triều Thiệu Trị được tiến hành liên tục: “*phàm tất của các công việc tuần tra như thoi dệt, cốt mong cho giặc biển yên lặng*”²⁶. Năm 1846, vua Thiệu Trị thấy thời tiết đã sang thu, các hải phận đều được yên cả, nên rút các hạng thuyền ở Kinh đi tuần tiểu về và “*sai quân đóng giữ các đồn hạt sở tại theo phận biển đi lại tra xét, đánh dẹp để giặc biển được yên. Thương cho các quân quán kỷ lục 2 tiền có từng bạc*”²⁷.

Sau khi Tự Đức lên nối ngôi, tình hình đất nước và biển đảo ngày càng trở nên phức tạp, do đó công tác tuần phòng là rất quan trọng. Tự Đức năm thứ 1 (1848) ban dụ: “*nay khi trời quang tạnh, đường biển thuận tiện chính là thời tiết thuyền buôn qua lại. Nên phái thuyền binh đi tuần thám, cho nghiêm vùng biển*”²⁸. Tự Đức năm thứ 3 (1850), ban dụ: “*một dải đường biển các hạt từ Quảng Nam trở về phía nam đến tỉnh Biên Hòa cũng khá dài rộng. Gần đây, giặc người Thanh phần nhiều lảng vảng trên mặt biển, nhân sơ hở lên lút nổi lên. Cần phái phái thuyền binh đi tuần thám, lần lượt đã phái 3 chiếc thuyền đồng Điều Phi, An Hải, Diêm Dương, chia đường theo từng hạt mà tuần phòng*”²⁹.

Càng về sau, do tình hình đất nước rối ren, phương tiện phục vụ cho hoạt động tuần tra lại thiếu thốn, hư hỏng, do đó công tác tuần tra dù vẫn được tiến hành nhưng kém hiệu quả, phạm vi tuần tra cũng phải thu hẹp lại.

Như vậy, tất cả các quy định về việc kiểm soát chặt chẽ tàu thuyền ra vào vùng biển đất nước, cho thấy nhà Nguyễn, nhất là các vị vua đầu triều đại, đã nhận rõ được tầm quan trọng của biển đảo đối với nền an ninh phòng thủ đất nước, những biện pháp tích cực, hiệu quả trong kiểm soát tàu thuyền ra vào các cửa biển, các hải đảo, đặc biệt là đối với tàu thuyền phương Tây, đã góp phần hạn chế mối nguy cơ đe dọa từ bên ngoài. Những hoạt động ấy phần nào giúp Nhà nước nắm bắt thông tin, đảm bảo an ninh quốc phòng, hỗ trợ nhiều cho hoạt động bảo vệ biển đảo của đất nước. Dù rất quan tâm, những hoạt động kiểm soát tàu thuyền ra vào của triều Nguyễn vẫn còn nhiều thiếu sót và kém hiệu quả. Điều này đã làm cho công cuộc bảo vệ biển đảo không đạt được nhiều kết quả tích cực.

2.2. Hoạt động cứu hộ, cứu nạn tại hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa

Không chỉ tích cực chăm lo xây dựng cơ sở hạ tầng bảo đảm an toàn hàng hải, triều đình Nguyễn còn chủ động thực hiện các hoạt động cứu hộ, cứu nạn. Trong một chỉ dụ vào tháng 8 năm Quý Tỵ (1833), vua Minh Mệnh trực tiếp nhắc nhở về tình hình an toàn hàng hải ở khu vực quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa: “*Gần đây, thuyền buôn thường [mắc nạn] bị hại*” và yêu cầu tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, coi đó là “*việc lợi muôn đời*”³⁰. Nhiều lần thuyền buôn nước ngoài gặp nạn ở vùng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được chính quyền và ngư dân cứu trợ. Những thủy thủ và thương nhân nước ngoài được đưa về đất liền cung cấp chỗ trú ngụ, trợ cấp lương thực thực phẩm, hỗ trợ ngôn ngữ và đưa đến các thương cảng quốc tế ở các quốc gia lân cận để họ có thể trở về nước.

Triều Nguyễn luôn quan tâm tới những người đi biển không may bị nạn ở hai quần

25. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Tập VI, Nxb Giáo dục, Hà Nội; tr. 437.

26. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...; tr. 438.

27. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Tập VI, Sdd...; tr. 911.

28. Trung tâm Nghiên cứu Quốc học (2003), *Châu bản triều Tự Đức (1848 – 1883)*, Nxb Văn học, Hà Nội; tr. 193.

29. Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập V, Sdd...; tr. 438.

30. Quốc sử Quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục*, Tập 3, Nxb Giáo dục, Hà Nội, tr.743.

đảo Hoàng Sa và Trường Sa được người nước ngoài cứu giúp đưa về nước. Dù đã được nước láng giềng cứu giúp khi gặp nạn nhưng khi được đưa về nước, các nạn nhân này tiếp tục nhận được sự thương xót của triều đình. *Đại Nam thực lục Chính biên* chép rằng: “Năm Gia Long thứ 15 (1816) hơn mười người biển binh ở Hậu đồn Hậu quân chở gỗ ván đi Gia Định bị bão dạt vào hải đảo. Thuyền đánh cá của người Hải Nam là Hoàng Hưng Bảo chở đưa về Bình Hòa. Trấn thần đem việc tâu lên. Thưởng cho Hưng Bảo 100 quan tiền, 50 phượng gạo; lính bị nạn thì cấp cơm áo và cho trở về nhà”³¹. Đôi khi triều đình còn cử người đi nước ngoài để đón người bị nạn về và ân cấp cho họ. Điển hình là trường hợp bị nạn của Đoàn Cảnh Thạc đắc tãi bè gỗ ở khu vực Hoàng Sa gặp bão trôi dạt đến huyện Điệu Bạch (Trung Hoa) vào năm 1831, sau đó được người nước sở tại hộ tống về nước lại bị sóng gió một lần nữa. Vua xuống dụ: “Bè gỗ không đủ tiếc, chỉ nghĩ bọn biển binh hai lần gặp bão lênh đênh trôi giạt bấy lâu thực là đáng thương. Truyền cho Quảng Yên sang Khâm Châu liệu lý giúp Cảnh Thạc để về đường bộ”³². Về nước Cảnh Thạc được triều đình thăng chức Phó Vệ úy vệ Bảo thành, thưởng cho mỗi người 1 áo dài bằng the dày màu bảo lam có con bạch hạc tròn vẩy sóng, 1 chiếc quần bằng trừu màu ngọc lam hoa xô trắng có hai chim phượng cuộn tròn và 30 quan tiền.

Với vị thế trong khu vực và quan hệ quốc tế, vương triều Nguyễn trong suốt nửa đầu thế kỷ XIX đã chủ động, tích cực chăm lo bảo đảm an toàn và tiến hành các hoạt động cứu hộ tàu thuyền Trung Quốc, Xiêm La (Thái Lan), Lưu Cầu (Ryukyu), phương Tây... bị nạn trên biển nhất là ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa³³. Khảo sát trong *Châu bản triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Minh Mệnh chính yếu, Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Quốc triều chính biên toát yếu* cho thấy các hoạt động này rất đa dạng, diễn ra liên tục trong các năm 1802, 1804, 1805, 1806, 1807, 1808, 1810, 1814, 1815, 1816, 1817, 1818, 1820, 1821, 1822, 1826, 1829, 1831, 1833, 1834, 1835, 1836, 1837, 1841, 1843, 1844, 1845, 1847, 1848, 1849, 1850, 1851, 1853, 1854, 1855, 1856, 1857, 1858...

Các thuyền bị nạn của người Trung Hoa đều được cứu giúp và có ghi chép đầy đủ trong các tài liệu của triều Nguyễn. Những ghi chép đều tương đối giống nhau về hình thức đó là những thuyền ấy từ tỉnh nào tới, tới vì việc gì, gặp nạn tại đâu hay dạt vào cửa biển của tỉnh nào và được các Tấn thủ, Thủ ngự cứu hộ theo định lệ sau đó báo cáo về triều đình. Theo học giả/nhà nghiên cứu Lương Chí Minh, từ năm 1801 đến năm 1860, nước ta từng 29 lần cứu giúp người Trung Hoa gặp nạn trên biển trong đó có khu vực biển Hoàng Sa và Trường Sa³⁴.

Những người Xiêm gặp nạn trên vùng biển đảo nước ta luôn nhận được sự giúp đỡ của triều đình. Năm Gia Long thứ 8 (1809), thuyền buôn của Ngô Ngạnh (người Xiêm) gặp gió bão tại khu vực Hoàng Sa dạt vào cửa Đà Nẵng được triều đình cấp cho 200 phượng gạo lại cho vay 1000 quan tiền và hơn 1000 phượng gạo rồi cho về nước³⁵. Đối với các thuyền sứ nước Xiêm trên đường sang nước Thanh nộp công gặp gió hay bị cháy cũng nhận được sự

31. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục, Tập 1*, Sđd, tr. 915.

32. Nội các triều Nguyễn (1996), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Tập 8*, Sđd, tr. 231.

33. **Leiping (2008) Trade and Security in Sino-Vietnamese relations 1802-1874, NUS**, Singapore, p.283.

34. Lương Chí Minh (2008), “Sự phục hồi kinh tế và sự phát triển của quan hệ thương mại giữa hai nước Trung – Việt vào những năm đầu nhà Nguyễn”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội, tr.340.

35. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục, Tập 1*, Sđd, tr.761.

giúp đỡ của triều Nguyễn. Gia Long năm thứ 16 (1817) chuẩn định thuyền sứ giả bị nạn gió, bị cháy cũng như thuyền buôn bị nạn, sai dinh thần Quảng Nam cấp cho 200 phượng gạo³⁶.

Năm 1829, thuyền của A Sinh nước Chà Và gặp nạn ở đảo Trường Sa được vua Minh Mạng cấp cho tiền, gạo và cho về nước³⁷. Hay trường hợp năm Minh Mạng thứ 21 (1840), thuyền buôn nước Đô Bà bị gió tại Trường Sa trôi dạt đến phận biển Vũng Tàu, sau khi cập cảng, Minh Mạng liền xuống dụ: “*bọn thuyền buôn dẫu là người ngoại quốc mà bị nạn gió trôi dạt, tình cũng nên thương*”³⁸. Sau đó, toàn bộ người bị nạn được thiết một bữa cơm rượu và cấp cho 100 quan tiền, 50 phượng gạo, trả lại toàn bộ binh khí để về nước. Có thể thấy, ngoài những quốc gia láng giềng có mối quan hệ thân thiết với triều đình thì các vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức còn tiến hành giúp đỡ cả những người bị nạn phương xa dù họ không thường xuyên qua lại khu vực biển nước ta.

Trong các hoạt động bảo đảm an toàn hàng hải và cứu hộ, cứu nạn tại vùng quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa nửa đầu thế kỷ XIX, hai sự kiện đặc biệt nổi bật diễn ra dưới triều vua Minh Mệnh vào năm 1830 và 1836.

Trường hợp thứ nhất là vụ cứu hộ thuyền buôn Pháp của thuyền trưởng (chủ thuyền) Đô-ô-chi-ly vào năm 1830. Sự kiện này được ghi lại trong 4 *châu bản* đề cùng một ngày 27/6 năm Minh Mệnh thứ 11 (15/8/1830), trong đó có hai bản tấu của viên quan Thủ ngự cửa biển Đà Nẵng là Nguyễn Văn Ngữ gửi về triều đình báo cáo việc thuyền buôn Pháp bị nạn ở vùng biển phía tây quần đảo Hoàng Sa cùng với hoạt động tìm kiếm, cứu nạn của thủy quân triều Nguyễn, và hai văn bản của Nội các triều Nguyễn xác nhận sao lại lời châu phê của vua Minh Mệnh³⁹.

Tổng hợp thông tin trong các *châu bản* có thể phục dựng chi tiết quá trình cứu hộ, cứu nạn như sau:

Sáng ngày 20/6 năm Minh Mệnh thứ 11 (8/8/1830), chiếc thuyền buôn Pháp (Phụ Lãng Sa) của chủ tàu Đê Ô Chi Ly xuất phát từ Đà Nẵng đi buôn bán hàng hóa ở Lữ Tống (Philippines). Đến đêm 21/6 năm Minh Mệnh thứ 11 (9/8/1830), thuyền đi qua khu vực phía tây vùng quần đảo Hoàng Sa ở Biển Đông thì bị mắc cạn, nước dâng ngập thuyền. Những người trên thuyền buộc phải bỏ thuyền lớn lại, mang theo tiền bạc, hàng hóa, lương thực, chia thành hai nhóm đi trên hai chiếc thuyền ván nhỏ thuận gió trở vào đất liền, một thuyền do chủ tàu Đê Ô Chi Ly chỉ huy, một thuyền do tài phú Ê Đoa chỉ huy.

Tảng sáng ngày 27/6 năm Minh Mệnh thứ 11 (15/8/1830), một chiếc thuyền nhỏ chở tài phú Ê Đoa và 11 thủy thủ vào đến cửa tán Đà Nẵng. Viên quan Thủ ngự cửa biển Đà Nẵng là Nguyễn Văn Ngữ được tin báo lập tức tiếp nhận, sắp xếp cho nhóm 12 người nghỉ ngơi an dưỡng tại tán Đà Nẵng và cử thuyền tuần tiễu mang nước ngọt ra biển tìm kiếm chiếc thuyền thứ hai. Đến trưa ngày 27/6 năm Minh Mệnh thứ 11 (15/8/1830), thuyền tuần tiễu tìm được chiếc thuyền ván nhỏ thứ hai đang lênh đênh trên biển, hộ tống vào bờ, cứu

36. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Sđd, tr. 915.

37. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Tập 2, Sđd, tr.882.

38. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục*, Tập 5, Sđd, tr. 681.

39. Ủy ban Biên giới Quốc gia, Bộ Ngoại giao (2013), *Tuyển tập các châu bản triều Nguyễn về thực thi của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb Tri Thức, Hà Nội, tr.52-79.

sống viên thuyền trưởng Đê Ô Chi Ly, 15 người cùng đi và toàn bộ tài sản mang theo⁴⁰.

Ngay trong ngày 27/6 năm Minh Mệnh thứ 11 (15/8/1830), khi việc cứu hộ trên biển có kết quả, viên quan Thủ ngự cửa biển Đà Nẵng là Nguyễn Văn Ngữ lập tức gửi báo cáo về triều đình Huế. Cũng ngay trong ngày hôm đó, viên quan này thu thập thông tin, viết một bản báo cáo tường trình đầy đủ sự việc và các nội dung giải quyết có liên quan để tiếp tục trình báo về triều đình. Cả hai bản tấu này đều được vua Minh Mệnh lập tức đích thân xem xét và phê duyệt.

Sáng ngày 28/6 năm Minh Mệnh thứ 11 (16/8/1830) Nội các triều Nguyễn sao lại hai bản tấu của Thủ ngự cửa biển Đà Nẵng là Nguyễn Văn Ngữ kèm theo lời châu phê “*Biết cho. Sẽ có chỉ riêng*” chấp thuận đề xuất giải quyết của Minh Mệnh để gửi cho những bộ phận có liên quan, tiếp tục các hoạt động cứu hộ, cứu nạn theo thông lệ của triều đình⁴¹.

Trường hợp thứ hai là vụ cứu hộ thuyền buôn Anh Cát Lợi (Anh) bị đắm ở Hoàng Sa vào tháng 12 năm Bính Thân (1836). Sự kiện này được các tài liệu chính thức của triều Nguyễn là *Đại Nam thực lục*, *Minh Mệnh chính yếu*, *Quốc triều chính biên toát yếu* ghi lại chi tiết.

Tổng hợp các nguồn tài liệu cho biết vào tháng 12 năm Bính Thân (1836), một chiếc thuyền buôn Anh Cát Lợi mắc cạn ở Hoàng Sa, bị vỡ và đắm, hơn 90 người buộc phải rời thuyền lớn, dùng những chiếc thuyền sam bản rời đi. Khi đó, những thủy thủ này đã cố bơi về phía bờ biển Đại Nam để được cứu hộ và họ đã thực sự được cứu giúp. Khi những chiếc thuyền sam bản chở các thủy thủ Anh Cát Lợi bị nạn đến vùng bờ biển Bình Định, họ được chính quyền tỉnh Bình Định tiếp nhận. Quan tỉnh Bình Định lập tức báo về triều đình Huế. Vua Minh Mệnh đã lệnh cho quan tỉnh Bình Định trợ giúp nơi ở, lương thực thực phẩm, ban tặng trang phục, cử thị vệ thông ngôn đến trợ giúp, sau đó phái Nguyễn Tri Phương và Vũ Văn Giải đưa họ đến Hạ Châu (Singapore) là một thương cảng quốc tế trong khu vực để tìm phương tiện thích hợp trở về nước⁴².

Nhiều tài liệu của phương Tây được công bố trong nửa đầu thế kỷ XIX cũng ghi lại những sự kiện tàu thuyền phương Tây bị nạn ở vùng quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được kịp thời cứu hộ đưa về đất liền, nhà Nguyễn đã cung cấp cho các nhu yếu phẩm và phái thuyền công đưa đến Hạ Châu (Singapore) liên lạc với các cơ quan đại diện của các nước phương Tây để đưa những người bị nạn về nước. Các tài liệu sau này cũng cho biết chính quyền thuộc địa Anh ở Bengal (Ấn Độ) từng cử người đại diện đi tàu biển đến Đại Nam (Cochinchina) để bày tỏ sự cảm ơn về những hoạt động cứu hộ và đối xử nhân đạo đó⁴³.

Ngoài hai trường hợp cứu hộ tiêu biểu kể trên, năm Minh Mạng thứ 20 (1837), *Đại*

40. Hải Đường (1999), “*Địa danh Hoàng Sa trong châu bản triều Nguyễn*”, Tạp chí *Xưa & Nay* số 63B tháng 5; tr.190.

41. Cục Văn thư lưu trữ Nhà nước (1998), *Mục lục châu bản triều Nguyễn, tập 2*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội; tr. 731 - 732.

42. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam thực lục*, T.4, Sdd, tr.1058; Quốc sử quán triều Nguyễn (1994), *Minh Mệnh chính yếu*, Tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.407; Quốc sử quán triều Nguyễn (1998), *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr.282.

43. The Asiatic annual register, or A View of the history of Hindustan for the year 1803. Vol.10, London, 1804; Allen’s Indian mail, and intelligence for British and foreign India, Chian and all pats of the East, Vol.5, London.1847

Nam thực lục tiếp tục ghi nhận các trường hợp đắm tàu ở Hoàng Sa của Phạm Văn Biện bị bão, sóng gió đánh chìm thuyền bè ở Hoàng Sa. Nhờ được cứu hộ kịp thời nên toàn bộ thủy thủ đoàn được cứu sống và đưa vào đất liền. “*Có thể nói hoạt động cứu hộ cứu nạn những chiếc thuyền không may gặp nạn trên hải phận Việt Nam đương thời có phần chu đáo. Trong con mắt của những người ngoại quốc được giúp đỡ lúc đó đều tỏ lòng mến phục sự quan tâm của người dân và chính quyền*”⁴⁴.

3. Kết luận

Như vậy, nhằm mục đích bảo đảm an ninh trên mặt biển, cũng như thực thi chủ quyền đối với các đảo trong hải phận của mình, các vua đầu triều Nguyễn đã thể hiện quyết tâm cao trong việc tuần tra vùng biển, đảo của đất nước, tổ chức cứu hộ, cứu nạn trên biển, nhất là ở hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Thuyền tuần tra không kể là thuyền nhà nước hay thuyền của địa phương, quân chính quy hay dân thường, nếu thấy hiệu quả đều sung vào việc tuần tra. Để bảo vệ chủ quyền biển đảo của đất nước, triều Nguyễn đã chú trọng xây dựng thủy quân trở thành một binh chủng lớn mạnh. Đặc biệt, các vị vua triều Nguyễn đã tiếp thu kỹ thuật phương Tây, thể hiện rõ trong việc trang bị và huấn luyện thủy quân. Bên cạnh đó, hệ thống thành, pháo đài, đồn cửa biển cũng được mô phỏng kiểu thành phương Tây với ưu thế phòng thủ tối đa.

Hướng ra khai thác kinh tế biển, nhà Nguyễn tập trung vào các hoạt động khai thác thủy - hải sản, thu thuế cửa biển, vận tải biển... Đặc biệt là tiến hành khai thác các đảo, quần đảo. Song song với hoạt động khai thác biển, đã là quá trình phòng thủ bảo vệ chủ quyền ở bộ phận lãnh thổ quan trọng này. Việc xác lập chủ quyền ở các đảo, chống xâm lược, cứu hộ cứu nạn, đặc biệt tuần tra kiểm soát, chống cướp biển là những hoạt động chính trong việc bảo vệ an ninh chủ quyền vùng biển của triều đình Huế.

Nhà Nguyễn đã gặt hái được nhiều thành công trong quá trình bảo vệ chủ quyền biển, đảo Việt Nam. Mặc dù còn tồn tại những hạn chế song những cống hiến quan trọng của triều Nguyễn trong hoạt động tuần tra, kiểm soát mặt biển, tổ chức cứu hộ cứu nạn trên biển đã trở thành những giá trị lịch sử to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Lê Tiến Công (2017), *Tổ chức phòng thủ và hoạt động bảo vệ vùng biển miền Trung dưới triều Nguyễn giai đoạn 1802 - 1885*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [2]. Cục Văn thư lưu trữ Nhà nước (1998), *Mục lục châu bản triều Nguyễn, tập 2*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
- [3]. Hải Đường (2002), “*Địa danh Hoàng Sa trong châu bản triều Nguyễn*”, *Những vấn đề lịch sử của triều đại cuối cùng ở Việt Nam*, Tạp chí Xưa & Nay và Trung tâm bảo tồn Di tích cổ đô Huế xuất bản.
- [4]. Leiping (2008) *Trade and Security in Sino-Vietnamese relations 1802-1874*, NUS, Singapore.

44. Lê Tiến Công (2017), *Tổ chức phòng thủ và hoạt động bảo vệ vùng biển miền Trung dưới triều Nguyễn giai đoạn 1802 – 1885*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội; tr.200.

- [5]. Lương Chí Minh (2008), “*Sự phục hồi kinh tế và sự phát triển của quan hệ thương mại giữa hai nước Trung - Việt vào những năm đầu nhà Nguyễn*”, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Chúa Nguyễn và Vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, Nhà xuất bản Thế giới, Hà Nội.
- [6]. Nội các triều Nguyễn (1996), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ, Tập 8*, Nxb Thuận Hoá, Huế.
- [7]. Quốc sử quán triều Nguyễn (2004), *Đại Nam thực lục, Tập 3*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [8]. Đỗ Văn Ninh (1993), “*Quân đội nhà Nguyễn*”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 6.
- [9]. The Asiatic annual register, or A View of the history of Hindustan for the year 1803. Vol.10, London, 1804; Allen’s Indian mail, and intelligence for British and foreign India, Chian and all parts of the East, Vol.5, London,1847.
- [10]. Ủy ban Biên giới Quốc gia, Bộ ngoại giao (2013), *Tuyển tập các châu bản triều Nguyễn về thực thi của Việt Nam trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb Tri Thức, Hà Nội.

SOME ACTIVITIES FOR ESTABLISHMENT AND PROTECTION OF ISLAND’S SOVEREIGNTY UNDER NGUYEN DYNASTY IN THE FIRST HALF OF THE 19TH CENTURY

NGUYEN TAT THANG
 Hue University Of Education
 Nguyen Quoc The
 Van Hien University

Abstract: *The Nguyen Dynasty, which was, during the period, still an independent feudal dynasty (1802 - 1885), played a great role in establishing and protecting Vietnam’s sovereignty over seas and islands. The Nguyen Dynasty has inherited the experience of previous dynasties, brought into full play its positive effects, and tried its best to carry out patrol and control activities at sea, and rescue and relief activities at sea, especially in the two archipelagoes of Truong Sa and Hoang Sa, in order to assert its sovereignty over the sea and islands and contribute to ensuring the safety of ships operating in Vietnam’s territorial waters at that time. With the idea of “Ôn cố tri tân” (Remind of the old to better understand the new), I think, the study of patrol and control activities at sea and rescue and relief activities in the two archipelagoes of Truong Sa and Hoang Sa under the Nguyen Dynasty has practical significance, making important contributions to our country’s maritime strategy today, and at the same time, once again affirming Vietnam’s sovereignty over seas and islands in the East Sea - a sacred part of the country’s territory. .*

Keywords: *Patrol, Control, Rescue, Relief, Truong Sa, Hoang Sa, Nguyen Dynasty.*